

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2023/DS-PT

Ngày: 11/4/2023

V/v: “Chia thừa kế theo pháp luật: Yêu cầu
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 627/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc: “Chia thừa kế theo pháp luật: Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 458/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1940 - chết năm 2020;

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1/. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1971 (có mặt);

2/. Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1982 vắng mặt);

3/. Bà Nguyễn Thị Đỗ V, sinh năm 1974 vắng mặt);

4/. Bà Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm 1979 (vắng mặt);

5/. Bà Nguyễn Thị Đỗ Tr, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, bà Vân, bà T1, bà Tr: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1971 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 703, đường Thống Nhất, thành phố Ph, tỉnh N.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1945 (có mặt);

Địa chỉ: Số 751, đường Thống Nhất, thành phố Ph, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1944;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Thanh Th, sinh năm 1983 (Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2021).

Cùng địa chỉ: 74/1/141 Trường Chính, phường Văn Hải, thành phố Ph, tỉnh N.

2/. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1954;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Số 17/15 đường Võ Thị Sáu, khu phố 6, phường Kinh Dinh, thành phố Ph, tỉnh N.

3/. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1951;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Số 24A đường Võ Thị Sáu, khu phố 6, phường Kinh Dinh, thành phố Ph, tỉnh N.

4/. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Thiện Th, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, phường Văn Hải, thành phố Ph, tỉnh N.

5/. Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1965;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thái H, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Số 17/4 đường Võ Thị Sáu, khu phố 6, phường Kinh Dinh, thành phố Ph, tỉnh N.

6/. Bà Đặng Thị B, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 751 đường Thống Nhất, thành phố Ph, tỉnh N.

7/. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh N.

Địa chỉ: Thị trấn Phước Dân, huyện N, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bạch Văn Ng - chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Ông Nguyễn Hữu T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Ông Nguyễn Hữu L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ khác của Ông Nguyễn Hữu L: Nguyễn Hữu T1, Bà Nguyễn Thị Đỗ V, Bà Nguyễn Thị Minh T1, Bà Nguyễn Thị Đỗ Tr trình bày:

Cha mẹ của Ông Nguyễn Hữu L là cụ Nguyễn Hữu X (chết năm 2003) cụ Huỳnh Thị M (chết năm 1962) sinh được 6 người con là: Nguyễn Hữu L, Nguyễn Thị C, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị C, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị X. Sau khi cụ M chết cụ X kết hôn với cụ Trần Thị T (chết năm 2011) sinh được một người con là Nguyễn Hữu Th. Ngoài ra các cụ không có con nuôi, con riêng. Ông Nguyễn Hữu L chết năm 2020 có vợ là bà Đỗ Thị G nhưng đã ly hôn năm 2000. Ông L, bà G có 05 người con: 1.1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1971; 1.2. Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1982; 1.3. Bà Nguyễn Thị Đỗ V, sinh năm 1974; 1.4. Bà Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm 1979; 1.5. Bà Nguyễn Thị Đỗ Tr, sinh năm 1976. Ngoài ra thì Ông L không có con nuôi, con riêng.

Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.768m² tọa lạc tại xã An Hải, huyện N, tỉnh N là do cha mẹ để lại cho cụ Nguyễn Hữu X. Cụ X chết vào năm 2003 và không để lại di chúc.

Sau khi cụ X chết, anh chị em trong gia đình có họp lại để thống nhất về việc phân chia thửa đất và Ông Nguyễn Hữu L, Ông Nguyễn Hữu Đ, Bà Nguyễn Thị C, Bà Nguyễn Thị C, Ông Nguyễn Hữu Th, Bà Nguyễn Thị X (vắng mặt Ông Nguyễn Hữu T) có ý kiến tại biên bản họp ngày 19/9/2003: “thống nhất để khu đất cho ông Đ canh tác và không được quyền bán và yêu cầu ông Đ viết cam kết với gia đình; Đồng ý cho ông Đ đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi tên các anh em trong gia đình trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Nhưng trong quá trình sử dụng ông Đ đã tự đi kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông Đ tự đi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng với thỏa thuận của anh chị em trong gia đình.

Ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02318QSDĐ/15/QĐ122004 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 20/6/2004

tên họ Ông Nguyễn Hữu Đ đối với thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.768m² theo đo đạc lại là 7.728m² tọa lạc tại xã An Hải, huyện N, tỉnh N.

- Chia thừa kế đối với di sản cụ Nguyễn Hữu X chết để lại là thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.728m² tọa lạc tại xã An Hải, huyện N, tỉnh N cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Chi phí định giá đề nghị chia đều cho các đồng thừa kế. Về phí án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn Ông Nguyễn Hữu Đ trình bày:

Về quan hệ gia đình, anh chị em trong gia đình ông thống nhất với nội dung phía nguyên đơn đã trình bày.

Về nguồn gốc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12 xã An Hải có nguồn gốc là của ông bà để lại cho cha ông là Nguyễn Hữu X. Năm 2003, cha ông chết không để lại di chúc nhưng có di nguyện để thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12 xã An Hải cho ông sử dụng vì các anh chị em đều làm cán bộ công chức, có mỗi ông làm nông nhưng không có giấy tờ gì. Năm 2003 các anh chị em phát sinh tranh chấp, Ủy ban nhân dân xã An Hải hòa giải theo biên bản hòa giải lập ngày 19/9/2003 với nội dung các anh chị em đồng ý giao đất lại cho ông sử dụng và không được quyền bán. Trên cơ sở đó ông đã làm bản cam kết và thực hiện đúng cam kết với các anh chị em. Toàn bộ thửa đất này hiện nay ông đang quản lý, sử dụng, quá trình sử dụng đất ông cũng đã đi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp số 02318QSĐĐ/15/QĐ122004 đã cấp cho Ông Nguyễn Hữu Đ ngày 16/9/2004. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị thất lạc.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông đồng ý và yêu cầu Tòa án tính công sức gìn giữ, bảo quản tài sản cho ông.

Vợ chồng ông không yêu cầu bồi hoàn trị giá những tài sản sau: hàng rào lưới B40, trụ gỗ dài 54m tiếp giáp với phần diện tích đất bị thu hồi; 03 cái giếng trên đất.

Về giá trị cây trồng trên đất thì ông đồng ý giá do hội đồng định giá đã định giá, và yêu cầu các đồng thừa kế được chia đất được sở hữu cây trồng trên đất và có nghĩa vụ hoàn lại ½ giá trị cho vợ chồng ông.

Đối với hàng rào dây kẽm gai trụ bê tông cao 1,2m dài 97m nằm cạnh hướng đông thửa đất, ai nhận phần đất có hàng rào có nghĩa vụ hoàn lại giá trị hàng rào cho vợ chồng ông.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu T là Bà Trần Thị Th, Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị C là bà Dương Thị Thanh Th; Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị X là Ông Trịnh Thiện Th; người đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Hữu Th là **Nguyễn Thị Thái H**; Người đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị C là Bà Huỳnh Thị S cùng thống nhất trình bày:

Về quan hệ gia đình anh chị em là các con của cụ X, cụ M, con của cụ X, cụ Tấn đều thống nhất với nội dung Ông Nguyễn Hữu T đã trình bày. Các ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án chia thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12, xã An Hải chia đều cho 07 phần thừa kế và các thừa kế đều yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Chi phí định giá các ông bà đồng ý chia đều cho các đồng thừa kế.

3.2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bị đơn Bà Đặng Thị B trình bày:*

Bà thống nhất với toàn bộ nội dung Ông Nguyễn Hữu Đ đã trình bày, bà không trình bày gì thêm.

3.3. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh N.

Tại Văn bản số 944/UBND-NC ngày 17/3/2022 UBND huyện N trình bày: UBND xã An Hải đã xác định tại công văn số 49/UBND ngày 08/3/2022 đã xác định nguồn gốc do gia đình thống nhất cho Ông Nguyễn Hữu Đ đại diện đứng tên và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ trong khi Ông Nguyễn Hữu T chưa có ý kiến thống nhất tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã An Hải ngày 19/9/2003 là không đúng quy định. Như vậy việc khởi kiện của Ông Nguyễn Hữu L yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 02318QSDĐ/15/QĐ122004 đã cấp cho Ông Nguyễn Hữu Đ ngày 16/9/2004 là có cơ sở.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã tuyên xử:

Căn cứ vào: Khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 37, các điều 147, 165, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 618, 623, 649, 650, 651, 658, 660 Bộ luật dân sự 2015; các điều 100, 203 Luật đất đai 2013; Án lệ số 05/2016/AL được công bố theo Quyết định số 220/QĐ - CA ngày 06 tháng

4 năm 2016; Các điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên xử:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02318 QSDĐ/15/QĐ122004 của Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 20/6/2004 cho hộ Ông Nguyễn Hữu Đ đối với thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12 xã An Hải, tọa lạc tại xã An Hải, huyện N, tỉnh N.

2. *Phân chia di sản thừa kế do cụ Nguyễn Hữu X, Trần Thị T chết để lại là thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.728m² tọa lạc tại xã An Hải, huyện N, tỉnh N cho các thừa kế như sau:*

2.1. Ông Nguyễn Hữu Đ được quyền sử dụng lô 1, diện tích 1.932,2 m² gồm các điểm (2, 3, 37, 36, 35, 34, 33) thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12, xã An Hải theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Ông Đ được quyền sở hữu các cây trồng trên đất.

2.2. Các ông, bà Nguyễn Hữu Th, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Thị Đỗ V, Nguyễn Thị Minh Th, Nguyễn Thị Đỗ Tr được quyền sử dụng lô 2 diện tích 966,0 m² gồm các điểm (3, 4, 38, 37) thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12, xã An Hải theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Các ông, bà Nguyễn Hữu Th, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Thị Đỗ V, Nguyễn Thị Minh Th, Nguyễn Thị Đỗ Tr được quyền sở hữu các cây trồng trên đất.

2.3. Bà Nguyễn Thị C được quyền sử dụng lô 3: diện tích 966,0 m² gồm các điểm (4, 5, 40, 39, 38) thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12, xã An Hải theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Bà C được sở hữu ½ cái giếng khoan có trên thửa đất. Bà C được sở hữu các cây trồng trên đất.

2.4. Bà Nguyễn Thị C được quyền sử dụng lô 4: diện tích 966,2 m² gồm các điểm (5, 6, 41, 40) thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12, xã An Hải theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Bà Ch được sở hữu ½ cái giếng (chung với Bà C) và 02 cái giếng khác trên lô số 4. Bà Ch được sở hữu các cây trồng trên đất.

2.5. Ông Nguyễn Hữu T được quyền sử dụng lô 5: diện tích 966,0 m² gồm các điểm (6, 7, 43, 42, 41) thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12, xã An Hải

theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Ông T được sở hữu các cây trồng trên đất.

2.6. Bà Nguyễn Thị X được quyền sử dụng lô 6: diện tích 965,6 m² gồm các điểm (7, 8, 44, 43) thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12, xã An Hải theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Bà Xí được sở hữu các cây trồng trên đất.

2.7. Ông Nguyễn Hữu Th được quyền sử dụng lô 7: diện tích 966,0 m² gồm các điểm (8, 9, 13, 14, 15, 44) thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12, xã An Hải theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận. Ông Thu được sở hữu các cây trồng trên đất, hàng rào dây kẽm gai, trụ bê tông cao 1,2m dài 97 m.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Hoàn trả nghĩa vụ:

Các ông, Bà Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị X, Nguyễn Hữu Th mỗi người phải hoàn lại cho bà H **1.060.000** (*Một triệu không trăm sáu mươi ngàn*) đồng chi phí định giá tài sản.

Ông Nguyễn Hữu Đ phải hoàn lại cho bà H **2.120.000** (*Hai triệu một trăm hai mươi ngàn*) đồng chi phí định giá tài sản.

Các ông, bà Nguyễn Hữu Th, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị X, Nguyễn Hữu T mỗi người phải hoàn trả cho Ông Nguyễn Hữu Đ, Bà Đặng Thị B **5.625.000** (*Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn*) đồng giá trị cây trồng trên đất.

Ông Nguyễn Hữu Th phải hoàn trả **5.529.000** (*Năm triệu năm trăm hai mươi chín ngàn*) đồng giá trị còn lại của hàng rào dây kẽm gai, trụ bê tông cao 1,2m, dài 97m cho Ông Nguyễn Hữu Đ, Bà Đặng Thị B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/10/2022 Ông Nguyễn Hữu T ký đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 14/10/2022 bị đơn Nguyễn Hữu Đ ký đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm. Yêu cầu các đồng thừa kế hoàn lại giá trị cây trồng theo kết quả định giá. Thừa kế nào nhận được phần đất có giếng thì phải hoàn lại tiền 02 giếng khoan và 01 giếng đào trên đất cho vợ chồng ông.

Ngày 12/10/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị C, Ông Nguyễn Hữu T, Ông Nguyễn Hữu Th có đơn kháng cáo yêu cầu hủy án

sơ thẩm. Không đồng ý chia di sản thừa kế của ông X, bà M, bà T cho ông Đ một kỷ phần thừa kế vì có công sức giữ gìn đất. Yêu cầu chia đều cho 7 người.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn Nguyễn Hữu Đ rút lại yêu cầu kháng cáo. Đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận việc rút kháng cáo của bị đơn, bác kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi liên quan, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận, nghe quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các đương sự làm và nộp trong hạn luật định nên được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn rút lại yêu cầu kháng cáo, việc rút lại yêu cầu kháng cáo của ông Đ là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Ông Nguyễn Hữu Đ theo Điều 284 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu chia di sản của ông Nguyễn Hữu X nên Tòa án nhân dân tỉnh N thụ lý, giải quyết theo mối quan hệ pháp luật “ Chia thừa kế theo pháp luật, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là đúng quy định của pháp luật.

Cụ Nguyễn Hữu X (chết năm 2003) và cụ Huỳnh Thị M (chết năm 1962) chung sống có 06 con chung là: Ông Nguyễn Hữu L, Bà Nguyễn Thị C, Ông Nguyễn Hữu Đ, Bà Nguyễn Thị C, Ông Nguyễn Hữu T và Bà Nguyễn Thị X. Sau khi cụ M chết, cụ X chung sống với cụ Trần Thị T (chết năm 2011) sinh được Ông Nguyễn Hữu Th.

Khi còn sống cụ Trần Thị T khởi kiện “Tranh chấp thừa kế tài sản” với Ông Nguyễn Hữu L về căn nhà cụ X để lại tọa lạc tại: Số 17/4 đường Võ Thị

Sáu, phường Kinh Dinh, thành phố Ph được Tòa án nhân dân tỉnh N bằng bản án dân sự phúc thẩm số 25/2009/DS-PT ngày 21/9/2009.

Năm 2015 Ủy ban nhân dân huyện N giải quyết khiếu nại của Bà Nguyễn Thị X về việc xem xét, kiểm tra cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Nguyễn Hữu L đất tọa lạc tại xứ đồng Chùa, Phố Hiền, xã An Hải. Tại Quyết định số 3628/QĐ – UBND ngày 17/11/2015 có nội dung:

“ Điều 1. Giải quyết đơn khiếu nại của Bà Nguyễn Thị X như sau:

Công nhận đơn khiếu nại của Bà Nguyễn Thị X có nội dung: Đề nghị xem xét, kiểm tra lại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Nguyễn Hữu L đất tọa lạc tại xứ đồng Chùa, Phố Hiền, xã An Hải là đúng.

Vì diện tích đất của hộ ông Nguyễn Hữu X mà Ông Nguyễn Hữu L tự ý đi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Riêng phần diện tích 4 sào (4.000 m²) trong đó có tiêu chuẩn của Bà Nguyễn Thị X và các thành viên khác tại thời điểm; do tập đoàn sản xuất phường Kinh Dinh giao khoán (số diện tích còn lại). Giao UBND xã Hữu Xuân chủ trì hướng dẫn các thành viên trong gia đình hợp thống nhất phân chia thừa kế theo pháp luật trong đó có cả phần thừa kế của Ông Nguyễn Hữu L”.

Các phần đất này theo các bên trình bày đã được phân chia xong.

Phần đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế thừa 230, tờ bản đồ số 12, diện tích 7.768 m² có nguồn gốc do ông Nguyễn Hữu X tạo lập. Bị đơn Nguyễn Hữu Đ và vợ là Đặng Thị Báu đã thừa nhận, yêu cầu tính thêm công sức bảo quản, giữ gìn di sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào thực tế tôn tạo, giữ gìn đất từ năm 2004 để áp dụng án lệ số 05/2016/AL tính công sức cho ông Đ bằng một kỳ phần thừa kế là phù hợp quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của đại diện thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan có kháng cáo về vấn đề này.

Đối với diện tích đất là di sản thừa kế: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp thì thửa đất số 230, tờ bản đồ số 12, xã An Hải có diện tích 7.768 m². Đo đạc thực tế ngày 05/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N diện tích thực tế còn lại là 7.728 m². Xác nhận những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/8/2017 thì Nhà nước thu hồi 40 m² đất để làm sông Lu (BL 233). Tại văn bản số 180/UBND ngày 19/9/2022 của UBND xã An Hải về việc cung cấp thông tin cho Tòa án nhân dân tỉnh N xác định phần đất Ông Nguyễn Hữu Đ cho rằng tự khai phá là phần diện tích đất có nguồn gốc bãi bồi, ven bờ sông và đất thuộc nương tước, thoát nước trong bản đồ địa chính năm 1996 do UBND xã An Hải quản lý, không đủ điều kiện công

nhận quyền sử dụng đất (BL 455). Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các đương sự cho rằng đất của ông X để lại là 9.625,9 m² như kháng cáo của các đương sự.

[2.2] Đối với kháng cáo của Ông Nguyễn Hữu Th về việc cho rằng ông được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy, cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá miễn cho ông 50% án phí là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Hữu T là đại diện ủy quyền của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Ông Nguyễn Hữu L, Bà Nguyễn Thị C, Ông Nguyễn Hữu T, và Ông Nguyễn Hữu Th. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ông Nguyễn Hữu T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, Ông Nguyễn Hữu Th nộp 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho Ông Nguyễn Hữu Đ, Ông Nguyễn Hữu T, Bà Nguyễn Thị C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308, điểm b Khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Hữu Đ.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Hữu T, Ông Nguyễn Hữu T, Bà Nguyễn Thị C và Ông Nguyễn Hữu Th. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS –ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Án phí dân sự phúc thẩm Ông Nguyễn Hữu T nộp 300.000 đồng được chuyển từ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000572 ngày 19/10/2022 thành án phí (Do Dương Thị Thanh Thúy nộp). Ông Nguyễn Hữu Th nộp 150.000 đồng chuyển từ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000571 ngày 19/10/2022 thành án phí (Do Dương Thị Thanh Thúy nộp), ông Thu được nhận lại 150.000 đồng. Bà Nguyễn Thị C và Ông Nguyễn Hữu T được miễn án phí dân sự phúc thẩm nên mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0000573 và 0000570 cùng ngày 19/10/2022 (Do bà Dương Thị Thanh Th nộp). Ông Nguyễn Hữu Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC
- VKSNDCC tại TP HCM;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu HS (02) VP (5) 17b (Án PAT)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trí Tuấn

Các Thẩm Phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Thanh Thúy

Nguyễn Văn Minh

Phạm Trí Tuấn